

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG KHÔNG GIAN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ASEAN

Phạm Đỗ Nhật Tiến<sup>1</sup>

**Tóm tắt.** Tại Đối thoại Chính sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với SHARE, và Ban Thư ký ASEAN, UNESCO, SEAMEO RIHED, AUN tổ chức từ ngày 27 đến 29/7/2022 tại Hà Nội, Lộ trình Không gian giáo dục đại học ASEAN 2025 đã được chính thức công bố. Điều đó tạo cú hích thúc đẩy giáo dục đại học Việt Nam nâng cao chất lượng, thu hẹp khoảng cách chất lượng với các hệ thống giáo dục đại học phát triển hơn trong khu vực ASEAN. Trong bài viết này, khoảng cách chất lượng được nhận dạng qua khoảng cách phát triển về hệ thống bảo đảm chất lượng, về khung trình độ quốc gia và về hệ thống tín chỉ giữa các nước thành viên ASEAN. Từ đó, bài viết đi tới nhận định rằng để giáo dục đại học Việt Nam, đuổi kịp, thậm chí lọt top những hệ thống giáo dục đại học tốt nhất trong khu vực ASEAN thì trong những năm trước mắt cần: 1) Sớm vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục đại học để tạo dựng hình ảnh về một hệ thống giáo dục đại học minh bạch, điều kiện tiên quyết để giáo dục đại học Việt Nam đến với giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực trên con đường nâng cao chất lượng; 2) Xây dựng Khung bảo đảm chất lượng quốc gia đối sánh được với Khung bảo đảm chất lượng ASEAN; 3) Tổ chức thực hiện khung trình độ quốc gia Việt Nam và tham chiếu thành công với Khung tham chiếu trình độ ASEAN.

**Từ khóa:** *Giáo dục đại học Việt Nam; không gian giáo dục đại học ASEAN; khung bảo đảm chất lượng; khung trình độ quốc gia; hệ thống trao đổi tín chỉ.*

### 1. Đặt vấn đề

Do tác động lan tỏa của việc xây dựng không gian giáo dục đại học (giáo dục đại học) Châu Âu theo tiến trình Bologna, cách đây 14 năm SEAMEO (Tổ chức các bộ trưởng giáo dục Đông Nam Á) đã có sáng kiến về việc xây dựng một khuôn khổ nhằm hài hòa hóa và hội nhập giáo dục đại học trong khu vực để tiến tới một không gian giáo dục đại học chung của ASEAN vào năm 2015 (Supachai, 2009).

Một lộ trình được đề ra, theo đó cần nâng cao nhận thức và năng lực của tất cả các bên có liên quan trong việc thúc đẩy các lợi ích của hội nhập khu vực về giáo dục đại học và xây dựng hạ tầng ban đầu cần thiết cho một không gian giáo dục đại học chung của ASEAN trong tương lai. Hạ tầng này bao gồm khung bảo đảm chất lượng của khu vực, hệ thống tín chỉ khu vực, các khung trình độ quốc gia so sánh được, thúc đẩy trao đổi giảng viên và sinh viên giữa các hệ thống giáo dục đại học trong khu vực.

Tuy nhiên, những khác biệt và khoảng cách lớn trong nội khối ASEAN về trình độ kinh tế và giáo dục, về chế độ chính trị, về truyền thống văn hóa-xã hội khiến cho những trao đổi về chính sách và học thuật liên quan đến tiến trình hài hòa hóa không dễ suôn sẻ trong việc chuyển hóa thành hành động.

Vì thế, đến năm 2015, cái đích về một không gian giáo dục đại học ASEAN vẫn còn xa. Năm đó, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27, các lãnh đạo 10 nước ASEAN đã ra Tuyên bố Kuala Lumpur

---

Ngày nhận bài: 05/12/2022. Ngày nhận đăng: 20/01/2023.

<sup>1</sup>Bộ Giáo dục và Đào tạo

e-mail: [phamdtien26@gmail.com](mailto:phamdtien26@gmail.com).

về giáo dục đại học, khẳng định: “Giáo dục đại học là một trong những xúc tác thúc đẩy chương trình nghị sự về phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa-xã hội của ASEAN” và cần thiết “phải đón nhận sự đa dạng và tình đoàn kết của cộng đồng ASEAN thông qua việc tăng cường sự lưu chuyển của sinh viên và học giả trong nội khối ASEAN”. Về cơ bản, Tuyên bố Kuala Lumpur về giáo dục đại học phản ánh tầm nhìn ASEAN hướng đến một Cộng đồng ASEAN đổi mới sáng tạo, thông qua việc xây dựng một không gian giáo dục đại học chung, được đặc trưng bởi sự gia tăng mức độ trong quốc tế hóa, hài hòa hóa, đổi mới sáng tạo và quan hệ đối tác (AQAN, 2021).

Cũng năm 2015, trong khuôn khổ hợp tác giữa Liên minh Châu Âu EU và ASEAN, một chương trình mang tên “Hỗ trợ giáo dục đại học khu vực ASEAN” (viết tắt là SHARE) đã được triển khai để thúc đẩy tiến trình hài hòa hóa giáo dục đại học ASEAN, tiến tới xây dựng không gian giáo dục đại học ASEAN, thông qua việc chia sẻ và vận dụng tri thức cùng kinh nghiệm từ tiến trình xây dựng không gian giáo dục đại học Châu Âu.

Trong bối cảnh đó, Kế hoạch hành động ASEAN về giáo dục 2021-2025 đã quy định nhiệm vụ: “Duy trì và tăng cường năng lực của ASEAN trong việc hài hòa hóa giáo dục đại học thông qua các chiến lược, cơ chế và cung cấp học bổng”.

Với những bước tiến đã đạt được trong thời gian qua, cùng với sự hỗ trợ tích cực của chương trình SHARE, mới đây, tại Đối thoại Chính sách tại Hà Nội do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với SHARE, và Ban Thư ký ASEAN, UNESCO, SEAMEO RIHED, AUN tổ chức từ ngày 27 đến 29/7/2022, Lộ trình Không gian giáo dục đại học ASEAN 2025 đã được công bố với tầm nhìn về: “Một không gian giáo dục đại học ASEAN bền vững và tự cường tạo điều kiện cho việc hài hòa hóa và quốc tế hóa cao hơn của giáo dục đại học ASEAN, đặc biệt trong việc tăng cường kết nối giữa con người với con người và hỗ trợ xây dựng cộng đồng ASEAN”.

Một bối cảnh mới trong sự phát triển của giáo dục đại học đã mở ra với những cơ hội mới và thách thức mới, đặc biệt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Bài viết này muốn nhận dạng những vấn đề đặt ra, cùng giải pháp tương ứng, trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam nhìn từ góc độ những cơ hội và thách thức trong bối cảnh xây dựng và hình thành không gian giáo dục đại học ASEAN.

## **2. Hạ tầng cần thiết cho không gian giáo dục đại học ASEAN**

Hiện vẫn chưa có một định nghĩa rõ ràng về không gian giáo dục đại học ASEAN. Tuy nhiên, theo cách hiểu chung về một không gian giáo dục đại học khu vực, như không gian giáo dục đại học Châu Âu, thì một không gian giáo dục đại học khu vực là một không gian giáo dục đại học vừa tôn trọng tính đa dạng của các hệ thống giáo dục đại học trong khung vực, vừa phát triển trên cơ sở một hạ tầng thống nhất gồm các chương trình giáo dục so sánh được, hệ thống chuyển đổi tín chỉ, các trình độ đào tạo thống nhất, hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng, sự công nhận văn bằng.

Trong 10 năm trở lại đây, trong bối cảnh các nước ASEAN đẩy mạnh hội nhập khu vực để hướng tới một ASEAN 2020 với tư cách là một khu vực kinh tế ASEAN thịnh vượng, bền vững và cạnh tranh cao thì việc xây dựng một hạ tầng thống nhất trong giáo dục đại học ASEAN đã có những bước tiến đáng kể.

Thứ nhất là việc thúc đẩy tiến trình hài hòa hóa trong hệ thống bảo đảm chất lượng của khu vực. Năm 2013, Khung bảo đảm chất lượng ASEAN (AQAF) đã được thông qua, tạo lập nền tảng nhận thức chung về bảo đảm chất lượng giữa các nước ASEAN. Khung này, giống như Khung bảo đảm chất lượng ESG của Liên minh Châu Âu, thiết lập các nguyên tắc chung nhất về bảo đảm chất lượng bên trong, bảo đảm chất lượng bên ngoài, tổ chức bảo đảm chất lượng và khung trình độ quốc gia, sao cho từng quốc gia ASEAN, trong bối cảnh cụ thể của mình, có thể vận dụng để xây dựng và hoàn thiện một cách phù hợp hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia. Nhờ vậy mà sự công nhận lẫn nhau về các quyết định KĐCL là có cơ sở và niềm tin lẫn nhau giữa các cơ sở giáo dục đại học và tổ chức bảo đảm chất lượng được tăng cường. Bên cạnh đó, các chỉ dẫn cụ thể và hướng dẫn thực hiện, cùng các khóa đào tạo, tập huấn của Mạng lưới bảo đảm chất

lượng AUN-QA về một loạt vấn đề liên quan đến bảo đảm chất lượng bên trong, KĐCL cấp trường, KĐCL cấp chương trình đã góp phần từng bước thúc đẩy sự hội tụ của các hệ thống bảo đảm chất lượng trong khu vực, hướng đến sự hài hòa hóa.

Thứ hai là việc thúc đẩy tiến trình công nhận lẫn nhau các khung trình độ quốc gia trong khu vực. Tiến trình này được thực hiện thông qua Khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQRF) được chính thức thông qua năm 2014 bởi các bộ trưởng kinh tế ASEAN, các bộ trưởng giáo dục ASEAN, các bộ trưởng lao động ASEAN. Đó là một công cụ chính sách, đóng vai trò khung tham chiếu để các khung trình độ quốc gia trong các nước thành viên ASEAN hiểu được nhau, so sánh được với nhau và trên cơ sở đó công nhận lẫn nhau. Tuy nhiên để vận dụng công cụ AQRF với mục đích tạo sự kết nối giữa các bậc trình độ của từng khung trình độ quốc gia với các bậc của AQRF cần một cơ chế quản lý phù hợp sao cho các đối tác liên quan có lòng tin tối đa vào sự kết nối này. Cơ chế quản lý này tuân theo 11 tiêu chí đã được các nước thành viên ASEAN thông qua nhằm đảm bảo sự minh bạch và tin cậy trong quá trình tham chiếu. Trong đó có một yêu cầu là các quốc gia thành viên phải đối sánh hệ thống bảo đảm chất lượng của mình với các khung bảo đảm chất lượng khu vực hoặc quốc tế, đặc biệt là ba khung sau 1) Khung bảo đảm chất lượng Hội nghị cấp cao Giáo dục nghề nghiệp Đông Á; 2) Các chỉ dẫn về thông lệ tốt trong bảo đảm chất lượng của Mạng lưới Quốc tế các tổ chức bảo đảm chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE); 3) Khung bảo đảm chất lượng ASEAN.

Thứ ba là việc thúc đẩy tiến trình lưu chuyển sinh viên giữa các nước trong khu vực ASEAN. Tiến trình này được thực hiện thông qua Hệ thống trao đổi tín chỉ ASEAN (ACTS) do Mạng lưới các đại học ASEAN (AUN) xây dựng từ năm 2011. Hệ thống ACTS được thiết kế để phù hợp với sự khác biệt về hệ thống tín chỉ giữa các đại học thành viên mà không có bất kỳ yêu cầu nào về việc sửa đổi các hệ thống tín chỉ đó, do đó tạo điều kiện cho việc lưu chuyển sinh viên giữa các đại học thành viên AUN. Bên cạnh hệ thống ACTS, kể từ năm 2016, với sự hỗ trợ của SHARE, đã hình thành tiếp Hệ thống trao đổi tín chỉ ASEAN-EU (AECTS) với mục đích đảm bảo rằng chương trình học tập ở nước ngoài sẽ được công nhận hoàn toàn tại nhà - tức là tất cả các tín chỉ tích lũy được tại cơ sở giáo dục đại học nhận sinh viên sẽ được công nhận tại cơ sở giáo dục đại học gửi sinh viên.

Như vậy, các nước ASEAN đến với tiến trình hài hòa hóa giáo dục đại học theo một tiếp cận dựa nhiều vào học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển, đặc biệt là tham khảo cách tiếp cận bài bản của Liên minh Châu Âu trong xây dựng không gian giáo dục đại học Châu Âu. Tuy nhiên, trong khi Liên minh Châu Âu có tuyên bố chính thức về chính sách và lộ trình xây dựng không gian giáo dục đại học Châu Âu thì ASEAN vẫn chưa có được điều đó. Đề xuất về một không gian giáo dục đại học ASEAN thông qua tiến trình hài hòa hóa đã được các Bộ trưởng giáo dục ASEAN hoan nghênh từ năm 2008 nhưng đến nay vẫn thiếu vắng một tuyên bố chính sách ở cấp ASEAN về vấn đề này. Trước khi có Lộ trình không gian giáo dục đại học ASEAN 2025, các nước ASEAN mới chỉ có những đề xuất, khuyến nghị, công cụ về hài hòa hóa giáo dục đại học chủ yếu theo một tiếp cận từ dưới lên do các tổ chức trung gian như AQAN, AUN-QA công bố. Vì lẽ đó mà trong từng chiều đo của tiến trình hài hòa hóa nêu trên vẫn đang có những bất cập sau đây:

Về Khung bảo đảm chất lượng ASEAN (AQAF), mặc dù Khung này được ban hành từ năm 2013, nhưng đến nay chưa có bất kỳ tuyên bố chính sách nào ở cấp độ ASEAN về sự cần thiết và vai trò của Khung bảo đảm chất lượng ASEAN. Đây vẫn chỉ là một công cụ của AQAN trong việc khuyến khích và hướng dẫn các quốc gia thành viên trong việc đối chiếu hệ thống bảo đảm chất lượng của mình với các nguyên tắc của Khung bảo đảm chất lượng ASEAN. Việc hướng dẫn này hiện đã được cụ thể hóa trong một tài liệu mới ban hành (AQAN, 2021), nhưng vẫn dừng lại ở một văn bản trung gian nên tác động của Khung bảo đảm chất lượng ASEAN đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng của các quốc gia thành viên còn khá hạn chế.

Về Khung Tham chiếu trình độ ASEAN (AQRF), theo dự kiến ban đầu thì đến năm 2018 việc kết nối giữa khung trình độ quốc gia với AQRF được hoàn tất đối với tất cả các nước thành viên ASEAN. Tuy nhiên, đây là một công việc phức tạp với nhiều tiêu chí phải thực hiện, trong đó có yêu cầu về hệ thống bảo đảm

chất lượng quốc gia. Yêu cầu đối sánh hệ thống bảo đảm chất lượng quốc gia với Khung bảo đảm chất lượng ASEAN lại vướng một số rào cản, bao gồm sự chậm trễ trong việc ban hành tài liệu hướng dẫn và tác động hạn chế của Khung bảo đảm chất lượng ASEAN. Vì thế đến nay mới có bốn nước là Malaysia, Philippines, Indonesia và Thái Lan đã thành công trong việc đối sánh khung trình độ quốc gia với Khung AQRF.

Về Hệ thống tín chỉ ACTS và AECTS, việc lưu chuyển sinh viên thông qua các hệ thống này hiện còn khá hạn chế. Đối với hệ thống ACTS, hiện mới chỉ thực hiện lưu chuyển sinh viên giữa 30 cơ sở giáo dục đại học thành viên AUN, cộng thêm 2 đại học của Trung Quốc và 4 đại học của Nhật. Còn đối với hệ thống AECTS, việc lưu chuyển sinh viên hiện mới được thực hiện thí điểm giữa 32 cơ sở giáo dục đại học tham gia chương trình SHARE, trong đó có 4 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam là Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế. Nhìn chung các trường tham gia hệ thống tín chỉ ACTS cũng như AECTS đều là các trường thuộc top đầu trong các nước thành viên ASEAN; vì vậy mặc dù hệ thống trao đổi tín chỉ được thiết kế cho việc lưu chuyển sinh viên giữa mọi cơ sở giáo dục đại học trong ASEAN, nhưng trên thực tế hệ thống này vẫn bị hạn chế trong phạm vi của một hệ thống mang tính tinh hoa.

### 3. Chất lượng giáo dục đại học Việt Nam trong quan hệ so sánh với các nước trong khu vực

Nếu đánh giá chất lượng giáo dục đại học Việt Nam qua các điều kiện đảm bảo chất lượng đầu vào thì giáo dục đại học ngày nay tiến bộ hơn rất nhiều so với giáo dục đại học những năm đầu đổi mới. Nhưng nếu đánh giá chất lượng giáo dục đại học ở góc độ đáp ứng mục tiêu, thì những yếu kém về chất lượng giáo dục đại học vẫn là mối quan ngại của cả Nhà nước và xã hội. Đại hội XIII của Đảng nhận định: “Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng xã hội, kỹ năng sống và khả năng tự học, kỹ năng sáng tạo...”. Đánh giá so sánh chất lượng giáo dục đại học với các nước trong khu vực thì Báo cáo giáo dục Việt Nam 2011-2020 chỉ ra rằng Việt Nam đang tụt hậu so với các nước trong khu vực (Viện KHGD Việt Nam, 2021). Nghiên cứu của World Bank (2020) còn chỉ ra rằng cả quy mô và chất lượng của GDDH Việt Nam không chỉ thua kém các nước trong khu vực mà còn thụt lùi so với những bước tiến ấn tượng của giáo dục phổ thông Việt Nam.

Nhìn từ góc độ các yếu tố mang tính hạ tầng chất lượng để hướng tới một không gian giáo dục đại học ASEAN thì sự yếu kém về chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam thể hiện cụ thể như sau:

#### 3.1. Về bảo đảm chất lượng

Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng bảo đảm chất lượng giáo dục đại học trong khu vực ASEAN, báo cáo SHARE (2019) chỉ ra rằng có những nước mới chỉ có hệ thống bảo đảm chất lượng đang hình thành, còn khá non trẻ so với những nước đã có hệ thống bảo đảm chất lượng vững chắc, thống nhất với hệ thống quản lý giáo dục đại học. Vì thế, theo SHARE (2019) thì hệ thống bảo đảm chất lượng của Việt Nam mới chỉ vào loại đang phát triển trong bảng phân loại sau đây:

- Các nước có hệ thống bảo đảm chất lượng vững chắc: Brunei, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Philippines, Singapore;
- Các nước có hệ thống bảo đảm chất lượng đang phát triển: Căm pu chia, Lào, Việt Nam;
- Nước có hệ thống bảo đảm chất lượng mới bắt đầu: Myanmar.

#### 3.2. Về khung trình độ quốc gia

Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng khung trình độ quốc gia trong khu vực ASEAN, nếu phân loại mức độ phát triển theo 8 bậc với bậc 1 thấp nhất (ứng với mức độ không có ý định gì về khung trình độ quốc gia) và bậc 8 cao nhất (ứng với mức độ khung trình độ quốc gia đã qua giai đoạn triển khai thực hiện và bước vào giai đoạn rà soát, hoàn thiện) thì Bateman & Dyson (2018) chỉ ra sự chênh lệch về mức độ phát triển của các khung trình độ quốc gia trong khu vực (Bảng 1).

*Bảng 1. Mức độ phát triển của các khung trình độ quốc gia trong khu vực ASEAN*

Nước	Mức độ phát triển	Bậc
Malaysia	Chính thức có từ năm 2007, đã triển khai đầy đủ và đang ở giai đoạn rà soát, hoàn thiện	8
Singapore	Chính thức có từ năm 2003, tập trung vào hệ thống trình độ kỹ năng của nguồn nhân lực	7
Indonesia	Chính thức có từ năm 2012, đang thực hiện	6
Brunei	Chính thức có từ năm 2013, đang thực hiện	6
Campuchia	Chính thức có từ năm 2012, đang ở những giai đoạn đầu của việc tổ chức thực hiện	5
Philippines	Chính thức có từ năm 2012, đang ở những giai đoạn đầu của việc tổ chức thực hiện	5
Thái Lan	Chính thức có từ năm 2014, đang bước vào việc tổ chức thực hiện	4
Việt Nam	Chính thức có từ năm 2016, đang bước vào việc tổ chức thực hiện	4
Myanmar	Đã đạt được thỏa thuận ban đầu nhưng chưa chính thức có KTDQG	4
Lào	Đã lên kế hoạch	3

### 3.3. Về hệ thống tín chỉ

Nghiên cứu của Herard và cộng sự (2016) chỉ ra rằng các hệ thống tín chỉ của các nước thành viên ASEAN cũng ở những giai đoạn phát triển khác nhau gắn liền với trình độ phát triển của hệ thống bảo đảm chất lượng và khung trình độ quốc gia. Hệ thống tín chỉ ở Thái Lan, Philippines và Brunei đã được sử dụng; ở Malaysia thì đang được đẩy mạnh hài hòa hóa trong phạm vi quốc gia; còn ở Lào, Campuchia và Việt Nam thì mới bắt đầu được áp dụng. Điều đó kéo theo hoạt động cũng ở mức độ khác nhau trong các chương trình trao đổi sinh viên theo hệ thống tín chỉ ACTS và AECTS. “Các đại học có tỷ lệ tham gia cao nhất là các đại học ở Malaysia với tỷ lệ sinh viên nước ngoài đến học cao nhất; còn Đại học Brunei Darussalam với tỷ lệ sinh viên ra nước ngoài cao nhất đã gửi 75 sinh viên du học với đầy đủ học bổng. Các quốc gia có mức độ hoạt động thấp nhất trong chương trình là các quốc gia CLMV; tuy nhiên, Myanmar mới bắt đầu mở cửa giáo dục đại học, còn Việt Nam thì ngày càng năng động hơn” (Sdd, tr. 13). Việc trao đổi và công nhận tín chỉ để bảo đảm sự liên thông ngay giữa các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam hiện nay cũng là một vấn đề nhiều thách thức. Lý do là ở chỗ các tín chỉ phải bảo đảm chuẩn đầu ra phù hợp với khung trình độ quốc gia; tuy nhiên, đến nay khung trình độ quốc gia Việt Nam vẫn chưa được hoàn thiện để có thể tổ chức thực hiện, vì vậy không có cơ sở để bảo đảm niềm tin về chất lượng của các tín chỉ.

Như vậy, nếu về phương diện kinh tế, Việt Nam thường được xếp vào nhóm CLMV, bao gồm 4 nước thu nhập trung bình thấp trong khu vực là Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar thì về phương diện phát triển giáo dục đại học nói chung, chất lượng giáo dục đại học nói riêng, Việt Nam cũng thuộc 4 nước CLMV về trình độ phát triển thấp hơn so với 6 nước còn lại là Singapore, Brunei, Malaysia, Thái Lan, Indonesia và Philippines. Mặc dù tiến trình hài hòa hóa giáo dục đại học trong những năm qua đã có tác động thúc đẩy để Việt Nam nỗ lực phát triển các công cụ quản lý chất lượng (bao gồm hệ thống bảo đảm chất lượng, khung trình độ quốc gia, hệ thống tín chỉ) để rút ngắn khoảng cách về chất lượng giáo dục đại học với các nước đi trước trong khu vực, nhưng với một tiếp cận chủ yếu từ dưới lên, phụ thuộc rất nhiều vào hành động chủ quan của các cơ sở giáo dục đại học, nên bài toán đỏi kíp về chất lượng của giáo dục đại học nước ta vẫn chưa có lời giải như mong muốn.

### 4. Xây dựng không gian giáo dục đại học ASEAN: Cơ hội và thách thức

Theo Lộ trình Không gian giáo dục đại học ASEAN 2025 thì, trong Kế hoạch hành động 2022-2023, một trong những kết quả phải đạt được là ban hành Tuyên bố ASEAN về Không gian giáo dục đại học ASEAN, thể hiện sự đồng thuận và cam kết cấp cao trong hợp tác khu vực để tiến tới một không gian giáo dục đại học chung. Đó là điều kiện tiên quyết để bảo đảm trong tiến trình xây dựng không gian giáo dục đại học ASEAN có sự kết hợp đồng bộ và hiệu quả giữa hai tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên. Như vậy, trong từng quốc gia ASEAN, vấn đề không còn là “nên hay không” mà là “phải làm gì” để, ở cả cấp hệ thống và cấp trường, giáo dục đại học quốc gia hội nhập với giáo dục đại học khu vực. Các bước sau đây phải được thực hiện (Wang, 2022):

Trước hết là sự minh bạch, tức là từng nước phải cung cấp thông tin để bảo đảm có sự hiểu biết chính

thống, tin cậy và cập nhật về hệ thống giáo dục đại học trong phạm vi quốc gia và khu vực.

Tiếp theo là sự so sánh được, tức là các nước trong khu vực phải chuyển từ sự hiểu biết lẫn nhau sang sự công nhận lẫn nhau thông qua những thỏa thuận song phương hoặc đa phương về tương đương văn bằng.

Tiếp nữa là sự tương thích, tức là các nước phải có bước tiếp theo là rà soát ở cấp hệ thống và phối hợp hành động để giảm bớt những khác biệt và đảm bảo rằng các hệ thống giáo dục đại học quốc gia khác nhau đang vận động theo cùng một hướng.

Cuối cùng mới là sự hài hòa hóa, tức là sự thống nhất trong đa dạng của các hệ thống giáo dục đại học trên cơ sở một hạ tầng chung về các công cụ quản lý chất lượng giáo dục đại học.

Những bước đi như vậy rõ ràng mở ra cơ hội đặc biệt quan trọng cho việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam. Đó là cơ hội về một môi trường hợp tác được khuyến khích cả từ trên xuống và từ dưới lên; về một môi trường cạnh tranh ở cả trong nước và khu vực buộc các cơ sở giáo dục đại học phải đổi mới, sáng tạo; về một môi trường chính sách quốc gia tích cực, thiết thực với những mục tiêu và giải pháp cụ thể để rút ngắn các khoảng cách, đẩy nhanh và mở rộng các thỏa thuận công nhận lẫn nhau.

Bên cạnh đó là những thách thức không nhỏ. Trước hết là thách thức về sự thiếu niềm tin trong hợp tác và hội nhập khi môi trường thông tin về giáo dục đại học Việt Nam còn thiếu tin cậy, không đầy đủ, do đó chưa đảm bảo yêu cầu về tính minh bạch. Thứ hai là thách thức về một môi trường chính sách giáo dục đại học Việt Nam còn thiếu nhất quán, kém hiệu lực do hệ thống giáo dục đại học nước ta chịu quá nhiều đầu mối quản lý, còn sự phối hợp giữa các bộ ngành lại hình thức, kém hiệu quả. Thứ ba là thách thức tài chính khi mà một mặt, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học Việt Nam trong tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục là rất thấp, vào loại thấp nhất thế giới, và cũng đang giảm dần, từ 6,8% năm 2004, giảm xuống 4,76% năm 2011, 4,41% năm 2015 (Viện Khoa học Giáo dục VN, 2021; World Bank, 2020); mặt khác các cơ sở giáo dục đại học đứng trước yêu cầu phải chuyển dần sang cơ chế tự bảo đảm mọi khoản chi, bao gồm chi thường xuyên, chi quản lý và chi đầu tư.

Cùng với những yếu kém nội tại của hệ thống giáo dục đại học, các thách thức nêu trên có nguy cơ trở thành rào cản trên con đường nâng cao chất lượng của giáo dục đại học Việt Nam để bắt kịp các hệ thống giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực, hướng tới không gian giáo dục đại học ASEAN.

## **5. Nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam: Vấn đề và giải pháp**

Nâng cao chất lượng giáo dục đại học là một chủ trương xuyên suốt các quan điểm chỉ đạo của Đảng về phát triển giáo dục đại học trong hơn 35 năm đổi mới. Thực hiện chủ trương này, kể cả về phương diện nghiên cứu lẫn ban hành chính sách, chúng ta luôn có hệ thống giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Ngay hiện nay, trong bối cảnh mới dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đại dịch covid-19, chúng ta cũng có những văn bản chỉ đạo quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục đại học (Phạm Đỗ Nhật Tiên, 2022). Trong bối cảnh mới đó, việc xây dựng không gian giáo dục đại học ASEAN sẽ góp phần tạo ra một cú hích với những cơ hội quan trọng mà các nhà hoạch định chính sách cùng các cơ sở giáo dục đại học cần nắm lấy và khai thác để việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam hướng đến một cái đích đo được là hội nhập về chất lượng với các hệ thống giáo dục đại học tiên tiến trong ASEAN. Muốn vậy, từ những phân tích trên, các vấn đề sau đây được đặt ra.

Vấn đề thứ nhất là làm thế nào nâng cao tính minh bạch của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Để thực hiện nguyên tắc minh bạch, từ ba thập kỷ nay, các hệ thống giáo dục đại học tiên tiến, trong khu vực và trên thế giới, đã xây dựng và vận hành hệ thống thông tin quản lý giáo dục đại học (Higher Education Management Information System, HEMIS). Sự vận hành thông suốt và nhất quán của hệ thống này, giữa các cơ sở giáo dục đại học với nhau và giữa các cơ sở giáo dục đại học với Bộ quản lý nhà nước về giáo dục đại học, đảm bảo cung cấp thông tin trung thực và minh bạch để các cơ sở giáo dục đại học, trong nước và trong khu vực, có sự hiểu biết và niềm tin để đến với nhau trong hợp tác và hội nhập. Ở Việt Nam, yêu cầu về xây dựng hệ thống HEMIS đã được đề cập đến từ lâu, nhưng mãi gần đây mới được đưa vào xây dựng trong khuôn khổ của Dự án Nâng cao chất lượng giáo dục đại học (SAHEP). Trước sức ép về tính minh bạch

trong hội nhập khu vực, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chỉ đạo để hệ thống HEMIS sớm được hình thành và vận hành, tạo dựng hình ảnh về một hệ thống giáo dục đại học minh bạch, điều kiện tiên quyết để giáo dục đại học Việt Nam đến với giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực trên con đường nâng cao chất lượng.

Vấn đề thứ hai là làm thế nào để có được niềm tin lẫn nhau về chất lượng giữa giáo dục đại học Việt Nam với các hệ thống giáo dục đại học khác trong ASEAN. Điều này phụ thuộc vào việc hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học Việt Nam để chuyển hệ thống này từ trình độ đang phát triển sang trình độ phát triển như của các nước có hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học phát triển trong khu vực. Hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học Việt Nam mới ở trình độ đang phát triển vì đây là lĩnh vực mới mẻ; cách tiếp cận trong xây dựng chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện của Việt Nam suốt thời gian qua là tiếp cận từng phần, ít nhiều mang tính chấp vá. Vì vậy, để hoàn thiện, cần chuyển từ cách tiếp cận từng phần sang cách tiếp cận tổng thể theo hướng xây dựng Khung bảo đảm chất lượng quốc gia. Đây cũng là giải pháp được Ngân hàng Thế giới đề xuất với tư cách là một khuyến nghị chính sách trong tổng thể các chính sách ưu tiên cần thực hiện để hướng tới hình thành một hệ sinh thái giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước vào năm 2030 (World Bank, 2020). Định hướng về xây dựng một Khung bảo đảm chất lượng như thế cũng đã được quy định trong Quyết định số 78 ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống BĐ&KĐCL giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030”. Rất nhiều nội dung liên quan đến các cấu phần của Khung bảo đảm chất lượng quốc gia hiện đã có trong hệ thống văn bản pháp quy về BĐ&KĐCL giáo dục đại học của chúng ta. Vấn đề là rà soát, chỉnh lý và bổ sung để tạo thành một hệ thống quy định và chỉ dẫn nhất quán trong Khung bảo đảm chất lượng quốc gia. Trong bối cảnh hiện nay hướng tới không gian giáo dục đại học ASEAN thì rất cần sớm ban hành Khung bảo đảm chất lượng quốc gia và đối sánh nó với Khung bảo đảm chất lượng ASEAN theo các “Chỉ dẫn đánh giá các tổ chức bảo đảm chất lượng bên ngoài trong ASEAN” (AQAN, 2021).

Vấn đề thứ ba là làm thế nào so sánh được các trình độ đào tạo của giáo dục đại học Việt Nam với các trình độ đào tạo của các hệ thống giáo dục đại học trong ASEAN. Việc so sánh này giờ đây quy về so sánh chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo theo khung trình độ quốc gia. Điều này được thực hiện thông qua cơ chế đối sánh khung trình độ quốc gia với Khung tham chiếu AQR. Ở nước ta, ngày 18/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký QĐ 1982 phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF). Đó đúng mới chỉ là cái khung, với mục đích chính là tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện khung trình độ quốc gia. Để tổ chức thực hiện khung trình độ quốc gia, ngày 30/03/2020, Thủ tướng đã ký QĐ 436 ban hành Kế hoạch thực hiện VQF với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025. Mục đích đặt ra là tổ chức thực hiện VQF sao cho đến năm 2024 các cơ sở giáo dục đại học đều ban hành các chương trình đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra của VQF; đến năm 2025 hoàn thành kết nối VQF với AQR. Một kế hoạch cụ thể về xây dựng báo cáo tham chiếu VQF với AQR đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong Quyết định 1596 ngày 21/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, cả việc phát triển các chương trình đào tạo của giáo dục đại học theo VQF lẫn việc xây dựng báo cáo tham chiếu VQF với AQR là những công việc rất phức tạp, nhiều công sức, lắm chi phí, đòi hỏi sự phối hợp hiệu quả và bền bỉ của các bên có liên quan, và trên thực tế đang không diễn ra theo tiến độ mong muốn. Để khắc phục tình trạng này, cần nắm bắt thời cơ mà Lộ trình không gian giáo dục đại học ASEAN đem lại, theo đó trong Kế hoạch hành động 2022-2023 có hoạt động ưu tiên là hỗ trợ và thúc đẩy tiến trình tham chiếu khung trình độ quốc gia với AQR. Ngoài ra, rất cần xây dựng một cơ chế giám sát và đánh giá, cùng chế tài nghiêm túc, để bảo đảm rằng đến năm 2025 VQF kết nối thành công với AQR.

Sự kết nối/tham chiếu thành công VQF với AQR chính là bước đột phá để tạo dựng nền tảng học thuật và niềm tin cần thiết cho sự trao đổi và công nhận lẫn nhau về tín chỉ, văn bằng, trình độ giữa các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam với các cơ sở giáo dục đại học khác trong ASEAN.

## 6. Kết luận

NQ 29 về đổi mới căn bản và toàn diện GDVN đặt mục tiêu “Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”. Hiện giáo dục phổ thông Việt Nam, qua kết quả của ba đợt thi PISA, đã được đánh giá là ở trình độ tiên tiến của khu vực. Vì vậy mục tiêu nói trên được đặt ra chủ yếu với giáo dục đại học Việt Nam. Đó là một mục tiêu đòi hỏi sự bứt phá của giáo dục đại học Việt Nam khi mà mục tiêu này được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển giáo dục 2022-2030 là: “Đến năm 2030, Việt Nam nằm trong 4 quốc gia có hệ thống giáo dục đại học tốt nhất khu vực Đông Nam Á”.

Hiện tại, khoảng cách giữa giáo dục đại học nước ta với các hệ thống giáo dục đại học tốt nhất trong khu vực ASEAN là đáng kể nếu đo khoảng cách này bằng khoảng cách giữa các hệ thống bảo đảm chất lượng và các khung trình độ quốc gia trong khu vực ASEAN. Có thể nói đó là khoảng cách giữa các hệ thống đang phát triển và các hệ thống phát triển trong khu vực.

Tuy nhiên, lộ trình về một không gian giáo dục đại học ASEAN 2025 đang mở ra cơ hội thúc đẩy sự bứt phá trong phát triển của giáo dục đại học Việt Nam. Đây là cơ hội buộc chúng ta không thể chần chừ nữa trong xây dựng Khung bảo đảm chất lượng quốc gia đối sánh được với Khung bảo đảm chất lượng ASEAN, và hoàn thiện khung trình độ quốc gia tham chiếu được với Khung AQR. Được như vậy thì đến năm 2025, có thể nói giáo dục đại học Việt Nam tiếp cận với các hệ thống giáo dục đại học tốt nhất trong khu vực ASEAN.

Tuy nhiên, từ chỗ tiếp cận đến chỗ đứng trong top 4 các hệ thống giáo dục đại học tốt nhất khu vực ASEAN vào năm 2030 là một bài toán lớn, nhiều thách thức.

Hiện chưa có bảng xếp hạng các hệ thống giáo dục đại học khu vực Châu Á nói chung, ASEAN nói riêng. Tuy nhiên, căn cứ vào phân tích hiện trạng và phân loại các hệ thống bảo đảm chất lượng và khung trình độ quốc gia trong khu vực ASEAN, đối chiếu thêm với kết quả xếp hạng các cơ sở giáo dục đại học thuộc các nước Đông Nam Á trong các bảng xếp hạng quốc tế như QS, thì có thể nói trong 10 hệ thống giáo dục đại học khu vực ASEAN thì hệ thống giáo dục đại học Việt Nam xếp thứ 7, sau Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Singapore.

Vào năm 2025 khi VQF hoàn tất việc tham chiếu với AQR thì có thể nói hệ thống giáo dục đại học Việt Nam tiến lên vị trí thứ 6, đồng hạng với một hệ thống giáo dục đại học nào đó trong khu vực. Nhưng từ vị trí đó mà tiến lên lọt top 4 vào năm 2030 là cả một tiến trình phấn đấu, đòi hỏi một quyết tâm chính trị rõ ràng cùng một kế hoạch hành động cụ thể để vượt qua các thách thức. Trong đó, hiện có hai thách thức quan trọng nhất: một là thách thức về sự thiếu nhất quán trong pháp luật giáo dục đại học Việt Nam; hai là thách thức về sự hạn hẹp của nguồn lực tài chính cho sự phát triển của giáo dục đại học Việt Nam.

Vì vậy, rất cần sự quan tâm của Quốc Hội để, một mặt rà soát hệ thống văn bản pháp luật, tổ chức chính lý, bổ sung, sớm ban hành khung pháp lý nhất quán, minh bạch, rõ ràng, thông thoáng để các cơ sở giáo dục đại học tự tin đổi mới sáng tạo trong phát huy quyền tự chủ để nâng cao chất lượng giáo dục đại học; mặt khác có cơ chế giám sát và đánh giá để bảo đảm rằng ngân sách giáo dục được phân bổ hợp lý và hiệu quả cho lĩnh vực giáo dục đại học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] AQAN (2021). Guidelines for Reviews of External Quality Assurance Agencies in ASEAN. 63000 Cyberjaya, Selangor, Malaysia: AQAN
- [2] Bateman, A. & Dyson, C. (2018). Report on quality assurance arrangements related to national qualifications frameworks in Asean and their impact on higher education. Jakarta 12110, Indonesia: SHARE Project Management Office.
- [3] Hénard, F., Bonichon, S., Maulana, A., Iqbal, G. and Oratmangun, K. (2016). Mapping student mobility and Credit Transfer Systems in ASEAN region. Jakarta 12110, Indonesia: SHARE Project Management Office



- [4] Phạm Đỗ Nhật Tiến (2022). Nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh mới: rào cản, vấn đề và khuyến nghị. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh mới”, Huế.
- [5] SHARE (2019). State of Play Report. Higher Education Quality Assurance in the ASEAN Region. Jakarta: SHARE Project Management Office.
- [6] Supachai Yavaprabhas (ed) (2009). Raising awareness: Exploring the ideas of creating a common space in higher education in Southeast Asia. A Conference Proceeding. Bangkok: SEAMEO RIHED.
- [7] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2021). Báo cáo giáo dục Việt Nam 2011-2020. Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [8] Wang, L. (2022). Towards a common higher education space in Southeast Asia. Keynote speech delivered at the EU-SHARE Policy Dialogue 15 on Envisioning the Future of a Higher Education Common Space in Southeast Asia, held from 27-28 July 2022 in Ha Noi, Viet Nam.
- [9] World Bank (2020). Improving the Performance of Higher Education in Vietnam: Strategic Priorities and Policy Options. Hanoi: Higher Education Sector Report.

#### ABSTRACT

##### **Improving the quality of Vietnam higher education in the context of building the ASEAN higher education space**

At the Policy Dialogue organized by the Vietnam Ministry of Education and Training in collaboration with SHARE, and the ASEAN Secretariat, UNESCO, SEAMEO RIHED, AUN from July 27 to 29, 2022, the Roadmap on the ASEAN Higher Education Space 2025 was officially launched. That creates a push to promote Vietnam higher education to improve quality, narrowing the quality gap with more developed higher education systems in the ASEAN region. In this article, the quality gap is identified through the development gap in the quality assurance (QA) system, the national qualification framework (NQF) and the credit system among ASEAN member countries. Accordingly, the article comes to the conclusion that in order for Vietnam higher education to catch up, and even be present in the group of the best higher education systems in the ASEAN region, in the next few years it is necessary to: 1) Operate the Higher Education Management Information System to create an image of a transparent higher education system, a prerequisite for Vietnam higher education to reach advanced higher education in the region on the way to quality improvement; 2) Develop a National Quality Assurance Framework comparable to, and compatible with the ASEAN Quality Assurance Framework; 3) Implement the Vietnam Qualifications Framework and successfully reference it to the ASEAN Qualifications Reference Framework.

**Keywords:** *Vietnam higher education; ASEAN higher education space; quality assurance framework; national qualifications framework; credit transfer system.*